30HP110

Dữ liệu đặc tính CRGO

Tóm tắt dữ liệu

Mác thép	30HP110
Nhà sản xuất và độ dày	thyssenkrupp Electrical Steel · 0.3 mm
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz / 60 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.7 T
Số mức mật độ từ thông	1
Đặc tính	Suất tổn hao lõi · Độ phân cực từ

Đặc tính ở 50 Hz

Bảng 01 · Khung Epstein hoặc thử tấm đơn (IS 649) · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg
1.7	1.10

Đặc tính ở 60 Hz

Bảng 02 · Khung Epstein hoặc thử tấm đơn (IS 649) · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg
1.7	1.46

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng
Bảng 03 · Khung Epstein hoặc thử tấm đơn (IS 649)

Cường độ từ trường (A/m)	Độ phân cực từ Giá trị tối thiểu bảo đảm · T
800	1.88

Dấu gạch ngang biểu thị giá trị chưa được công bố.

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

thyssenkrupp Electrical Steel

powercore® grain oriented electrical steel – Product range

Phiên bản 03/2026 (printed, back cover) Tài liệu chính thức

Trang 23 của PDF · Bảng 01,02,03

powercore magnetic properties (BIS 3024) · Khung Epstein hoặc thử tấm đơn (IS 649)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Mill publishes both frequencies. Measured via Epstein frame or SST under IS 649; path per row not specified. A trailing d indicates laser-scribed; other grades may be laser-scribed if not agreed otherwise. Guaranteed properties require written agreement.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép. Các nhà sản xuất không xác nhận tài liệu này.
Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.
Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.

Phiên bản 2026-11-14.2